

Khu vực phi chính thức và vai trò đối với tăng trưởng bao trùm ở Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Phương^(*), Phạm Minh Thái^(**)

Xavier Oudin^(***), Laure Pasquier-Doumer^(****)

Tóm tắt: Các hộ sản xuất kinh doanh cá thể (SXKDCT) tạo ra số lượng việc làm chủ yếu ở Việt Nam, chỉ sau khu vực nông nghiệp. Các hộ này bao gồm một tỷ lệ lớn các hộ SXKDCT không chính thức, không có đăng ký kinh doanh và một tỷ lệ nhỏ các hộ có đăng ký chính thức. Khu vực phi chính thức là bộ phận chính của khu vực hộ SXKDCT. Khu vực này có tính linh hoạt cao, có sự năng động ở một vài phân khúc, còn nhiều khả năng để cải thiện năng suất. Đây là nhân tố chính trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bao trùm, nhưng phần lớn khu vực này chưa thực sự được bao trùm bởi các chính sách công. Sử dụng số liệu của cuộc Điều tra các hộ SXKDCT mang tính đại diện trên toàn quốc trong khuôn khổ Dự án “Nâng cao hiểu biết về chính sách mới chống nghèo đói” (NOPOOR), bài viết góp phần nâng cao sự chú ý của các nhà hoạch định chính sách đối với các hộ SXKDCT và khu vực phi chính thức, nhằm hướng tới mục tiêu tăng cường việc làm hiệu quả và giải quyết vấn đề dễ bị tổn thương của người lao động.

Từ khóa: Khu vực phi chính thức, Hộ sản xuất kinh doanh cá thể, Phát triển con người, Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs), Việt Nam

Abstract: Individual business households (hereinafter referred to as production and business households) creates the number of jobs in Vietnam second only to the agricultural sector. Households with production and business activities include a large proportion of informal production households without business registration and a small proportion of those formally registered. The informal sector is the main part of the area of households engaged in production and business activities. This area has a high degree of flexibility, is dynamic in some segments, and has many possibilities to improve productivity. This is a major factor in promoting inclusive economic growth, however much is not really covered by public policies. Implementing a survey of typical households in the country, the project “Enhancing Knowledge for Renewed Policies against Poverty” (NOPOOR) has contributed to raising the attention of policy makers on this area to increase effective employment and solve worker vulnerability.

Keywords: Informal Sector, Individual Business Households, Human Development, Sustainable Development Goals, Vietnam

^(*), ^(**) Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: phuonghn2016@gmail.com

^(***), ^(****) Viện Nghiên cứu Phát triển Pháp (IRD).

1. Giới thiệu

Có một sự đồng thuận rộng rãi rằng Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng trong những thập niên gần đây, cả về phát triển con người và thành tựu kinh tế. Tuy nhiên, như được nhấn mạnh trong Báo cáo Phát triển Con người năm 2015 (UNDP và VASS, 2016), thành tựu đạt được có tốc độ chậm lại trong thập kỷ qua, nhất là so với các quốc gia có mức độ phát triển tương tự. Đặc biệt, việc chuyển hóa lợi ích kinh tế sang phục vụ phát triển con người gần đây đã dần hạn chế, do đó Việt Nam phải đối mặt với những thách thức mới về chính sách xã hội và phát triển kinh tế để đạt được tăng trưởng bao trùm hơn. Tăng trưởng bao trùm đề cập đến tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và phân phối công bằng lợi ích để đem lại cơ hội cho tất cả mọi người và không để ai bị bỏ lại phía sau. Tăng trưởng bao trùm là một phần của các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) mà Việt Nam đã cam kết từ năm 2015, đặc biệt là Mục tiêu 8 “Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện và bền vững, việc làm và công việc thỏa đáng cho tất cả mọi người”.

Giải quyết hiệu quả vấn đề việc làm và vấn đề dễ bị tổn thương của người lao động là mục tiêu quan trọng cho một mô hình tăng trưởng mới của Việt Nam. Các hộ SXKDCT với khu vực phi chính thức¹ tạo thành nền tảng cho điều này vì những lý do sau:

Thứ nhất, các hộ SXKDCT là chủ thể chính cung cấp việc làm chủ yếu, chỉ xếp

sau khu vực nông nghiệp. Họ thu hút gần 1/3 số lao động có việc làm và hơn 1/2 số lao động phi nông nghiệp. Do đó, một trong những thách thức chính của Việt Nam là cải thiện năng suất và điều kiện làm việc trong khu vực này. Tăng trưởng năng suất cần phải đạt được thông qua phân bổ lại việc làm cho các ngành công nghiệp năng suất cao hơn và tăng đầu tư.

Thứ hai, các hộ SXKDCT với khu vực phi chính thức tạo thành một cấu phần quan trọng đối với sức chống chọi của nền kinh tế Việt Nam trước các cú sốc. Hoạt động như một bộ đệm đỡ, khu vực này hấp thụ công nhân bị sa thải khỏi các doanh nghiệp chính thức và các lao động từ khu vực nông nghiệp. Đặc tính cách ly tương đối so với các khu vực khác của nền kinh tế và tính linh hoạt làm tăng khả năng chống chọi của khu vực này khi các cú sốc kinh tế xảy ra.

Thứ ba, người lao động trong các hộ SXKDCT nói chung và khu vực phi chính thức nói riêng rất dễ bị tổn thương trước những cú sốc và thất bại. Họ có thể chỉ đạt được mức thu nhập đảm bảo cho cuộc sống hàng ngày, nhưng ở mức thấp và thường không trong diện nhận trợ cấp xã hội, không có bảo hiểm xã hội. Vì những lý do này, việc tăng năng suất của các hộ SXKDCT và giảm mức độ dễ bị tổn thương cho lao động trong các hộ này chính là thách thức đối với tăng trưởng diện rộng, sự ổn định nền kinh tế và phát triển con người.

Tuy các hộ SXKDCT và khu vực phi chính thức có vai trò quan trọng trong mô hình tăng trưởng mới của Việt Nam, nhưng Nhà nước chưa chú trọng tới các chính sách hỗ trợ nhóm đối tượng này.

¹ Bao gồm các đơn vị kinh tế phi nông nghiệp không đăng ký dưới hình thức doanh nghiệp, thuộc sở hữu của các cá nhân hoặc gia đình, sản xuất và phân phối hàng hóa và dịch vụ cho thị trường.

Dự án NOPOOR¹ đã góp phần nâng cao sự chú ý của các nhà hoạch định chính sách đối với các hộ SXKDCT, đề xuất các chỉnh sửa về cải cách Luật Doanh nghiệp vừa và nhỏ và đưa ra các đề xuất khác về định hướng thiết kế chính sách đối với các hộ này.

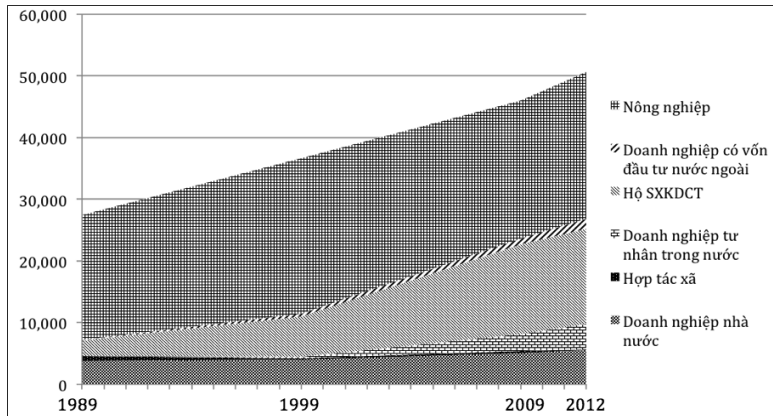
¹ Trong khuôn khổ của Dự án NOPOOR, một cuộc điều tra về hộ SXKDCT đã được thực hiện với các phương pháp mới để cung cấp bằng chứng mới về các hộ SXKDCT và khu vực phi chính thức. Điều tra hộ SXKDCT và khu vực phi chính thức vào năm 2014-2015 (gọi tắt là HB&IS 2014/15) áp dụng phương pháp điều tra 1-2-3, kết nối giữa điều tra đơn vị kinh tế và điều tra hộ gia đình được phát triển bởi các nhà nghiên cứu thuộc đơn vị nghiên cứu DIAL (Razafindrakoto và Roubaud, 2003), và được thực hiện ở nhiều nước đang phát triển. Với độ bao phủ tất cả các cấu phần của khu vực hộ SXKDCT, cuộc điều tra này được thực hiện vào cuối năm 2014 và đầu năm 2015 là cuộc điều tra mang tính đại diện toàn quốc đầu tiên trong khu vực này tại Việt Nam. Dữ liệu có tính đại diện toàn quốc đối với cả khu vực thành thị và nông thôn. Quy mô điều tra 3.411 chủ hộ SXKDCT được lấy mẫu từ Điều tra Lao động Việc làm (LFS) của Tổng cục Thống kê (mẫu được chọn theo phương pháp phân tầng và quy trình ba giai đoạn). Bảng hỏi cung cấp thông tin cụ thể về đặc điểm của hộ SXKDCT, các lao động của hộ, kết nối thị trường của hộ với các khu vực khác của nền kinh tế và cách thức vận hành. Cuộc điều tra này được xây dựng dựa trên dự án về khu vực phi chính thức do IRD-DIAL và Tổng cục Thống kê Việt Nam thực hiện trước đó (2006-2011) - đây là cuộc điều tra có tính đại diện đầu tiên về khu vực phi chính thức tại Việt Nam, tuy bị giới hạn ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (Cling và cộng sự, 2010). Cuộc điều tra HB&IS 2014/15 được thực hiện bởi Trung tâm Phân tích và Dự báo (CAF) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (VASS) và đơn vị nghiên cứu DIAL thuộc Viện Nghiên cứu Phát triển Pháp (IRD) và Đại học Paris-Dauphine. Hỗ trợ kỹ thuật là các chuyên gia thuộc Tổng cục Thống kê Việt Nam và Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong (MDRI). Số liệu về các hộ SXKDCT được trình bày trong bài viết là kết quả tính toán của chúng tôi từ HB&IS 2014/15 (ngoại trừ các số liệu đã dẫn nguồn cụ thể).

2. Các hộ sản xuất kinh doanh cá thể với khu vực phi chính thức - nhân tố quan trọng của nền kinh tế Việt Nam

Các hộ SXKDCT có thể là các cá nhân hoặc gia đình hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp, chẳng hạn như thợ sửa chữa, thợ may, buôn bán nhỏ, xe ôm, nhà hàng nhỏ, người bán đồ ăn trên đường phố, v.v... Họ hoạt động trong khu vực công nghiệp chế biến, dịch vụ và thương mại. Theo tính toán của chúng tôi từ số liệu Điều tra lao động việc làm 2014 của Tổng cục Thống kê (2015), năm 2014, khu vực này có 9 triệu cơ sở với 16 triệu lao động. Trong đó, phần lớn không có đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh chính thức, chỉ một số ít có đăng ký chính thức, thường là các hộ có quy mô hoạt động lớn. Những người không đăng ký chính thức (ở cấp huyện) tạo thành khu vực phi chính thức. Cụ thể là 11 triệu lao động trong 6,5 triệu cơ sở thuộc khu vực phi chính thức.

Kể từ sau Đổi mới, các hộ SXKDCT cung cấp phần lớn lượng việc làm cho nền kinh tế, chỉ xếp sau khu vực nông nghiệp. Ước tính các hộ này cung cấp gần 1/3 tổng số việc làm của cả nền kinh tế và 57% việc làm phi nông nghiệp trong năm 2014. Trong thập niên 1999-2009, hơn 1/2 số gia tăng lực lượng lao động đã được nhận vào các hộ SXKDCT (xem hình 1 trang bên). Kể từ đó, số lượng việc làm được tạo ra trong các hộ này đã giảm nhẹ khi các doanh nghiệp chính thức trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài tuyển dụng nhiều lao động. Tuy vậy, các hộ SXKDCT vẫn là chủ thể chính tạo việc làm cho nền kinh tế.

Bên cạnh việc cung cấp việc làm và thu nhập cho một bộ phận lớn lao động, hộ SXKDCT nói chung là hình thức phù hợp nhất để giải quyết các hạn chế mà chủ cơ sở gặp phải. Những chủ cơ sở hoạt động trong các hộ này thường không phải vì họ

Hình 1: Lực lượng lao động theo khu vực, 1989-2012

Nguồn: Tính toán của các tác giả từ số liệu *Tổng điều tra dân số và nhà ở và Điều tra lao động việc làm* các năm 1989-2012 của Tổng cục Thống kê.

không thể tìm được việc làm ở nơi khác, mà vì đây là lựa chọn tốt nhất so với các lựa chọn khác mở ra cho họ. Chỉ 1/5 số chủ cơ sở ở các hộ SXKDCT không thể tìm được việc ở khu vực khác. Khu vực nông nghiệp không phải là một lựa chọn của họ vì nông nghiệp thường đem lại thu nhập thấp. Công việc trong khối doanh nghiệp tư nhân cũng không phải là một lựa chọn bởi nó thường khiến người lao động khó cân bằng giữa cuộc sống và công việc. Công việc của khu vực công có thể được ưu tiên hơn là điều hành hộ SXKDCT, nhưng nó có thể nằm ngoài tầm với của họ. Một nửa số chủ cơ sở nghĩ rằng họ kiếm được nhiều tiền hơn hoặc độc lập hơn trong loại công việc này, so với làm nông nghiệp hoặc là nhân viên trong doanh nghiệp. Mặc dù có thể có ít cơ hội hơn, hầu hết họ hài lòng với công việc của mình và không muốn làm nhân viên trong doanh nghiệp tư nhân.

Hơn một nửa số hộ SXKDCT và phi chính thức nằm ở vùng nông thôn. Các hộ SXKDCT nói chung và khu vực phi chính thức nói riêng đang mở rộng nhanh chóng. Nhiều nông dân đa dạng hóa hoạt động của họ bằng cách tham gia không chính

thức vào các hoạt động thương mại hoặc phi nông nghiệp. Sự hiện diện phổ biến của các hộ SXKDCT và đóng góp của các hộ này đối với tạo việc làm và thu nhập ở vùng nông thôn Việt Nam đã làm thay đổi ý kiến cho rằng khu vực phi chính thức là một hiện tượng đô thị. Tại Việt Nam, 60% hộ SXKDCT không chính thức được đặt tại nông thôn. Điều đáng nói là

họ hoạt động nhiều ở các vùng nông thôn ven đô.

Các hộ SXKDCT có đóng góp lớn trong Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam năm 2014, tạo ra gần 1/3 GDP phi nông nghiệp và 23% tổng GDP. Đối với hoạt động thương mại, các hộ SXKDCT đóng vai trò khá lớn: 63% giá trị gia tăng do ngành thương mại tạo ra đến từ các hộ SXKDCT. Mặc dù các trung tâm thương mại gần đây đã được mở rộng khá nhiều, song thương mại tại Việt Nam chủ yếu nằm trong tay các hộ SXKDCT buôn bán nhỏ. Do đó, các hộ này tạo ra của cải trong nước và cung cấp thu nhập cho một phần lớn dân số. Đóng góp của nó phụ thuộc vào đầu tư và công việc của các hộ gia đình, gần như không có đầu vào từ các tổ chức tài chính. Đầu tư thấp vào các hộ này hiện đang hạn chế khả năng tăng trưởng của nó. Tỷ lệ đầu tư chỉ dưới 10% giá trị gia tăng của các hộ SXKDCT, ít hơn nhiều so với con số này của toàn bộ nền kinh tế ở mức 23%. Các hộ SXKDCT mang lại thu nhập ngay lập tức, thường ở mức thấp, phục vụ tiêu dùng hơn là tích lũy tái đầu tư.

Mặc dù các hộ SXKDCT và khu vực phi chính thức có thể xuất hiện ở khắp mọi nơi và là một phần của cuộc sống hằng ngày, nhưng chúng không có được kết nối thị trường tốt với các cầu phần khác trong nền kinh tế, đặc biệt là các giao dịch với doanh nghiệp chính thức. Các hộ SXKDCT chủ yếu giao dịch với nhau và với người tiêu dùng cuối cùng, chứ không phải với các doanh nghiệp chính thức. Rất ít trong số họ tham gia vào các hợp đồng thầu phụ với các doanh nghiệp chính thức. Sự độc lập (tách biệt) tương đối của các hộ SXKDCT, đặc biệt các cơ sở không chính thức, trong nền kinh tế lý giải tại sao các hộ SXKDCT có khả năng phục hồi khi nền kinh tế đối mặt với cú sốc lớn. Biến động trong khu vực doanh nghiệp chính thức ít có tác động đến khu vực phi chính thức. Tuy nhiên, hộ SXKDCT phụ thuộc nhiều vào nhu cầu tiêu dùng cuối cùng, vì chủ yếu sản xuất và bán cho người tiêu dùng cuối cùng. Tăng trưởng thu nhập cá nhân ổn định là một động lực mạnh mẽ cho hoạt động và tái đầu tư của các hộ này.

3. Tiềm năng đóng góp cho tăng trưởng bao trùm

Quy mô hoạt động của các hộ SXKDCT thường ở mức thấp, đặc biệt là đối với những cơ sở không chính thức. Cứ 1 trong 2 cơ sở không chính thức được tạo ra chỉ bởi một người làm việc đơn lẻ. Giá trị gia tăng trung bình mỗi tháng của hộ SXKDCT không chính thức là 2,6 triệu đồng trong năm 2014. Do đó, khoảng 1/2 số chủ cơ sở không chính thức kiếm được lợi nhuận dưới mức lương tối thiểu. Năng suất (lượng của cải hoặc giá trị gia tăng trên mỗi lao động) của các cơ sở không chính thức cũng khá thấp, chỉ cao hơn mức năng suất trong khu vực nông nghiệp. Trong khi đó, các hộ SXKDCT chính thức đạt giá trị gia tăng cao hơn mức trung vị ở mức 5,5 triệu đồng và

có năng suất gần bằng mức của các doanh nghiệp trong nước (xem bảng 1).

Bảng 1. Mức trung bình mỗi tháng (Triệu đồng)

	Hộ SXKDCT phi chính thức		Hộ SXKDCT chính thức	
	Trung bình	Trung vị	Trung bình	Trung vị
Doanh thu	23,4	7,5	57,6	21,9
Giá trị gia tăng	6,3	2,6	14,3	5,5
Lợi nhuận	4,9	2,3	12	4,3

Nguồn: Tính toán của các tác giả từ số liệu của HB&IS 2014/15.

Năng suất thấp có thể được giải thích bằng sự dư thừa lao động, đặc biệt là lao động gia đình. 2/5 số cơ sở sử dụng vợ chồng và/hoặc con cái ngay cả khi doanh thu thấp. Cạnh tranh trong thương mại và dịch vụ cũng làm giảm tỷ suất lợi nhuận và giá trị gia tăng của các cơ sở không chính thức. Mức độ tài sản và vốn thấp của họ cũng là một lý do khác khiến năng suất thấp.

Dữ liệu khảo sát cho phép tính toán thu nhập, lợi nhuận, quy mô và các chỉ tiêu hoạt động khác ở mức trung bình mang tính đại diện cho toàn khu vực. Từ đó cho thấy sự không đồng nhất rất lớn của khu vực này về lợi nhuận. Có những hộ kiếm được lợi nhuận lớn trong khi những hộ khác không thể kiếm được thu nhập. Số liệu khảo sát cho thấy, nhóm 10% hộ SXKDCT giàu nhất kiếm được lợi nhuận trung bình cao gấp 145 lần so với nhóm 10% hộ nghèo nhất; 23% hộ SXKDCT báo cáo lợi nhuận của họ dưới 3 triệu đồng/tháng, trong khi 19% báo cáo hơn 50 triệu/tháng; 3% hộ SXKDCT đầu tư hơn 1/2 tổng đầu tư của toàn khu vực này.

Phân khúc đứng đầu những hộ SXKDCT hoạt động hiệu quả hơn cho thấy tiềm năng mạnh mẽ để cải thiện năng suất trong khu vực này, từ đó tăng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Một số chủ cơ sở có

chiến lược như các doanh nghiệp, tìm kiếm thị trường mới và chấp nhận rủi ro.

Chủ sở hữu của các hộ SXKDCT thường cởi mở hơn đối với hiện đại hóa. Một phân khúc lớn, chiếm khoảng 1/3 số hộ SXKDCT, có thể được coi là các cơ sở năng động. Các hộ này, phần lớn đã đăng ký chính thức, đã có những đổi mới và cùng bước với hiện đại hóa của đất nước. Nhiều cơ sở tuyển dụng lao động có trả lương. Họ đầu tư vào thiết bị, hoạt động ở quy mô lớn, sẵn sàng phát triển kinh doanh, đổi mới sản phẩm hoặc quy trình sản xuất, tìm kiếm khách hàng mới hoặc thay đổi nhà cung cấp để giảm chi phí.

4. Sự cần thiết phải giảm tính dễ bị tổn thương của lao động trong hộ sản xuất kinh doanh cá thể và khu vực phi chính thức

Chủ hộ SXKDCT và người lao động của họ rất dễ bị tổn thương. Mức thu nhập thấp của các chủ hộ SXKDCT khiến họ thường phải áp dụng các chiến lược đối phó có hậu quả tiêu cực trong dài hạn khi phải đối mặt với các cú sốc kinh doanh và bệnh tật. Điều kiện làm việc có chất lượng thấp khiến người lao động đặc biệt dễ bị tổn thương, điều này không thực sự được cải thiện trong những năm qua. An sinh xã hội là một chính sách quan trọng để giải quyết vấn đề này, đặc biệt khi Việt Nam đang hướng tới chính sách an sinh xã hội toàn dân vào năm 2025. Bảo hiểm y tế đã đạt được tiến bộ ấn tượng về độ bao phủ trong các hộ SXKDCT, nhưng vẫn còn là thách thức lớn đối với mục tiêu bao phủ toàn dân.

Theo kết quả khảo sát, đối với chủ hộ SXKDCT, những cú sốc và bệnh tật là nguồn tổn thương chính. Gần 1/3 chủ cơ sở đã phải chịu ít nhất một cú sốc khiến họ phải chi tiêu đáng kể do cú sốc đó trong 2 năm liền kề. Ngoài những cú sốc này, bệnh tật cũng diễn ra thường xuyên và có

tác động lâu dài đến hoạt động của các hộ SXKDCT. Khoảng 40% chủ cơ sở đã trải qua bệnh tật có ảnh hưởng đến công việc của họ trong suốt cả năm. Chi phí y tế phải chi trả đặc biệt cao: chi trả y tế của các chủ cơ sở không chính thức lên tới 41% lợi nhuận của cơ sở và họ thường phải thắt chặt chi tiêu cho việc kinh doanh. Các cách đối phó với cú sốc và bệnh tật thường để lại hậu quả lâu dài, chẳng hạn như 1/10 số cơ sở không chính thức phải bán tài sản dành cho sản xuất kinh doanh.

Trong khi đó, phần lớn các chủ cơ sở không thể trông cậy vào sự trợ giúp từ bạn bè hoặc gia đình trong trường hợp khó khăn, khiến họ càng dễ bị tổn thương. Có 36% chủ hộ SXKDCT rất dễ bị tổn thương vì mạng lưới quan hệ xã hội của họ không bảo đảm cho họ bất kỳ cơ chế chia sẻ rủi ro nào để đối phó với các cú sốc: họ không thể vay tiền trong thời gian ngắn, gia đình và bạn bè không thể hỗ trợ tài chính cho việc kinh doanh của họ, họ không tham gia các nhóm hội tín dụng và tiết kiệm không chính thức. Số liệu này đi ngược lại với suy nghĩ thường cho rằng sự gắn kết truyền thống ở Việt Nam có thể bù đắp cho việc thiếu hụt bảo hiểm chính thức.

Lao động không phải là thành viên của gia đình chủ cơ sở trong các hộ SXKDCT thì thường không có bảo hiểm xã hội. Việc không được ký kết hợp đồng lao động và thu nhập thấp đặt họ vào tình huống bấp bênh và dễ bị tổn thương. Chỉ 2% lao động trong các hộ SXKDCT có hợp đồng lao động bằng văn bản và 1/4 trong số đó có bảo hiểm y tế. Lao động thường chỉ có công việc bán thời gian và số rất ít làm việc tạm thời cho hộ SXKDCT. Mức lương trả cho lao động hưởng lương đã được cải thiện từ năm 2007 nhưng ở mức độ thấp hơn so với tiền lương trong các khu vực khác của

nền kinh tế. Do đó, khoảng cách thu nhập đã gia tăng giữa những lao động làm công hưởng lương trong các hộ SXKDCT và khu vực doanh nghiệp chính thức. Mức lương của lao động hưởng lương trong các hộ SXKDCT vẫn còn kém xa so với khu vực doanh nghiệp chính thức. Tỷ lệ tăng lương trong các hộ này cũng thấp hơn so với các doanh nghiệp chính thức.

5. Tương lai của các hộ sản xuất kinh doanh cá thể

Vai trò của các hộ SXKDCT nên được chú trọng trong tương lai gần. Sự đóng góp của các hộ SXKDCT trong việc tạo việc làm gần đây đã giảm vì hai lý do. Thứ nhất, số lượng người bước vào độ tuổi lao động bắt đầu giảm. Thứ hai, việc làm tạo ra trong khu vực doanh nghiệp chính thức trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên, nên làm giảm số lượng người tìm kiếm việc làm trong các hộ SXKDCT. Tuy nhiên, sự suy giảm lao động trong nông nghiệp và xu hướng nhân khẩu học vẫn còn năng động sẽ duy trì nguồn cung lao động phi nông nghiệp ở mức cao, nên các hộ SXKDCT sẽ vẫn tiếp tục hấp thụ một phần lao động đáng kể.

Gần đây, việc số hộ SXKDCT được chính thức hóa ngày càng tăng (bằng cách đăng ký kinh doanh chính thức) đã khiến tỷ lệ việc làm phi chính thức trong lực lượng lao động có chiều hướng giảm nhẹ. Từ năm 2007 đến 2012, theo Điều tra Lao động Việc làm (do Tổng cục Thống kê thực hiện), việc làm trong khu vực phi chính thức đã giảm nhẹ. Nhưng trong những năm này đã chứng kiến sự gia tăng đặc biệt về việc làm trong nông nghiệp, có thể do ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng năm 2008.

Người lao động tự làm chủ, đặc biệt là trong các hoạt động thương mại bấp bênh, đang có xu hướng suy giảm cùng với sự tăng lên của các hộ SXKDCT có thuê lao

động. Một quá trình tạo ra các hộ SXKDCT chính thức và sự sụp đổ của các hoạt động phi chính thức đang diễn ra. Quá trình chính thức hóa các hoạt động phi chính thức là một mục tiêu của các chính sách nhằm thúc đẩy việc làm thỏa đáng. Đối với các hộ SXKDCT năng động hơn, xu hướng này nếu được xác nhận sẽ góp phần nâng cao năng suất và dẫn tới sự kết nối thị trường tốt hơn giữa các hộ này đối với các khu vực khác của nền kinh tế.

Sự chuyển đổi từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi chính thức và sự hỗ trợ mạnh mẽ giữa hai khu vực này đã làm tăng số lượng công nhân trong khu vực phi chính thức. Làm việc trong khu vực phi chính thức là một chiến lược đa dạng hóa hoạt động của một tỷ lệ đáng kể các hộ nông nghiệp và chiến lược này ngày càng trở nên phổ biến. Do đó, việc thu hẹp khu vực phi chính thức sẽ bị chậm lại trong những năm tới bởi chính chiến lược đa dạng hóa này của các hộ gia đình nông nghiệp.

Thanh niên bắt đầu gia nhập vào độ tuổi lao động ngày càng có xu hướng tìm việc làm ở các doanh nghiệp chính thức. Độ tuổi trung bình của chủ hộ SXKDCT (không phải của người lao động) cao hơn so với các khu vực khác của nền kinh tế. Đối với nhiều chủ hộ SXKDCT, hoạt động hộ SXKDCT xuất phát từ kinh nghiệm việc làm trước đó của họ. 2/3 số chủ hộ SXKDCT đã có một việc làm khác trước khi bắt đầu gây dựng hộ SXKDCT hiện tại. 1/4 số chủ hộ SXKDCT trước đây từng làm việc trong khu vực chính thức: chủ yếu chủ cơ sở trên 40 tuổi thường làm việc trong khu vực công hoặc trong các doanh nghiệp nhà nước (bảng 2) (tỷ lệ cao do tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước vào những năm 1990, khi nhiều công nhân bị sa thải thường quyết định bắt đầu hoạt động kinh doanh

riêng); và chủ cơ sở trẻ hơn thường làm việc trong khu vực doanh nghiệp tư nhân.

Bảng 2. Việc làm trước khi gây dựng hộ SXKDCT, theo độ tuổi (%)

Tuổi	<= 40	>40
Không có việc làm trước đó	35,4	32,0
Việc làm trước đó	64,6	68,0
• Khu vực công	6,4	13,6
• Khu vực doanh nghiệp chính thức	10,9	4,2
• Hộ SXKDCT	47,3	50,2

Nguồn: Tính toán của các tác giả từ số liệu của HB&IS 2014/15.

Vì vậy, hộ SXKDCT không chỉ được gây dựng bởi thanh niên không tìm được việc làm ở nơi khác mà còn bởi lực lượng rất lớn những người rời khỏi khu vực chính thức để tạo lập sự nghiệp riêng.

Nói chung, có thể dễ dàng dự đoán rằng việc làm trong các hộ SXKDCT nói chung sẽ tiếp tục tăng trong thập niên tới. Nhưng khó dự đoán hơn đối với tỷ trọng hộ SXKDCT chính thức và phi chính thức, chiều hướng có thể là sự tăng trưởng nhiều hơn đối với các hộ SXKDCT chính thức và thấp hơn đối với khu vực phi chính thức. Chính thức hóa khu vực phi chính thức là một hiện tượng phức tạp và khó dự đoán. Quá trình này phụ thuộc một phần vào các chính sách trung ương hoặc chính sách địa phương, cũng như tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế chung (ví dụ hành vi của người tiêu dùng cuối cùng).

6. Hàm ý chính sách

Theo kết quả khảo sát, hầu hết các chủ hộ SXKDCT phàn nàn về các khó khăn trong điều hành hoạt động và nhu cầu hỗ trợ của họ là rất lớn. 4/5 số hộ SXKDCT gặp khó khăn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Vấn đề phổ biến nhất

là thiếu các kênh bán hàng, phản ánh sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các hộ SXKDCT và thiếu thông tin có sẵn cho họ về các cơ hội thị trường. Điều này đòi hỏi một chính sách cần được thiết kế để cải thiện các kênh tiếp cận thông tin thị trường cho các hộ SXKDCT, đặc biệt đối với hoạt động thương mại. Hầu hết thông tin các hộ SXKDCT có được đều từ các thành viên gia đình và dựa vào kinh nghiệm của các thế hệ trước. Số liệu khảo sát cho thấy, hầu hết họ không có nguồn thông tin nào khác, chẳng hạn như các hiệp hội chính thức. Điều này cho thấy cần phải phát triển các kênh thông tin đa dạng, đặc biệt là các kênh thông tin đổi mới sáng tạo. Cạnh tranh quá mức trong buôn bán nhỏ dẫn tới việc giảm lợi nhuận và duy trì mức thu nhập thấp.

Kỹ năng cũng là một yếu tố quan trọng cần được chú trọng để giúp họ có khả năng nghiên cứu thị trường trước khi khởi nghiệp và tạo ra các sản phẩm đổi mới sáng tạo. Số liệu khảo sát cho thấy, các chủ cơ sở có nhu cầu lớn về tiếp cận thông tin thị trường, các thông tin về đơn hàng lớn, hơn là thông tin về marketing hoặc kỹ năng điều hành tổ chức. Tuy nhiên, những mảng thông tin và kỹ năng không thể không song hành.

Các chủ cơ sở cho biết, khó khăn lớn nhất họ gặp phải là vấn đề thị trường đầu ra, và nhu cầu cải thiện việc tiếp cận vốn vay là rất lớn. Gần một nửa các hộ SXKDCT phàn nàn về những rào cản vay vốn và đề nghị được giúp đỡ cho các khoản vay được bảo đảm. Rào cản tín dụng đặt ra hạn chế lớn đối với sự phát triển của các hộ SXKDCT, khả năng đầu tư và đổi mới của họ. Tín dụng chính thức không phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của các hộ này, làm gia tăng những hiệu ứng lần át suy giảm đầu tư và hoạt động (gây ra bởi tín dụng phi chính thức và rào cản vốn vay). Về phía cung thị

trường tài chính, việc thiếu tín dụng ngắn hạn dẫn đến khó khăn đáng kể về dòng tiền hoạt động của hộ SXKDCT, khiến họ thậm chí còn dễ bị tổn thương hơn. Cụ thể, các tổ chức tài chính vì mô nên nhắm mục tiêu vào các hộ SXKDCT không chính thức bị hạn chế tín dụng nhất. Ngược lại, sự vắng mặt của tín dụng dài hạn cho các hộ SXKDCT có thể là một trong những nguyên nhân của tỷ lệ đầu tư rất thấp. Nhìn chung, hạn chế tín dụng cũng có thể do thiếu hỗ trợ chính sách đối với khu vực hộ SXKDCT. Điều này đòi hỏi sự chú trọng đối với các hộ SXKDCT trong chính sách phát triển doanh nghiệp của Chính phủ. Về phía nhu cầu hỗ trợ, cần có hỗ trợ để cải thiện thông tin khả năng chi trả vốn vay của hộ SXKDCT, để các tổ chức tín dụng chính thức bớt ngần ngại cấp vốn vay cho khu vực này. Đào tạo về kỹ năng quản lý và nghiệp vụ kế toán có thể có hiệu quả cho vấn đề này, vì hơn một nửa số hộ SXKDCT chính thức không hạch toán sổ sách.

Tính dễ bị tổn thương trước các cú sốc của người lao động trong hộ SXKDCT, đặc biệt đối với bệnh tật và sự không hiệu quả của các cơ chế chia sẻ rủi ro không chính thức, đòi hỏi cần phải cải thiện độ bao phủ và chất lượng của an sinh xã hội trong khu vực này. Các thành tựu ấn tượng đã đạt được với việc mở rộng độ bao phủ bảo hiểm y tế ở các hộ SXKDCT chủ yếu nhờ vào việc mở rộng độ bao phủ của bảo hiểm y tế tự nguyện. Theo số liệu khảo sát, trong năm 2014, 54% chủ cơ sở có thể bảo hiểm y tế, một nửa trong số họ thông qua bảo hiểm y tế tự nguyện. Tuy vậy, bức tranh này không có được đối với người lao động trong khu vực này. Chưa đến 1/4 số người lao động được tham gia bảo hiểm y tế và con số này giảm xuống chỉ còn 14% khi không xét tới người lao động là thành viên trong gia đình. Cần phải thiết kế các phần

thưởng, động cơ khuyến khích để chủ cơ sở đóng bảo hiểm y tế cho người lao động. Bên cạnh đó, số liệu khảo sát cho thấy chi phí bảo hiểm y tế hiện đang vượt quá khả năng của chủ cơ sở đối với nhóm hộ SXKDCT nghèo nhất, đặc biệt trong khu vực phi chính thức. Độ bao phủ bảo hiểm y tế có thể được cải thiện trong khu vực này bằng cách mở rộng - hoặc cải thiện việc phân bổ - trợ giúp xã hội. Hơn 2/3 trong nhóm 25% hộ SXKDCT nghèo nhất không nằm trong diện đối tượng nhận trợ cấp xã hội. Trong khi đó, một phần lớn hộ SXKDCT có thu nhập cao nhất lại nằm trong diện nhận trợ cấp xã hội. Hiện tượng này đặt dấu chấm hỏi cho tính bền vững lâu dài của việc thực hiện bảo hiểm y tế tự nguyện. Bảo hiểm y tế tự nguyện hiện đang được đăng ký chủ yếu bởi các chủ hộ SXKDCT có vấn đề về sức khỏe. Do đó, cần nâng cao nhận thức của các hộ SXKDCT về tầm quan trọng của việc được bảo hiểm trước các rủi ro sức khỏe, khuyến khích họ tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, qua đó góp phần làm tăng tính bền vững của chương trình, đem lại cơ chế hoàn trả chi phí y tế tốt hơn và tăng độ bao phủ của bảo trợ xã hội.

7. Kết luận

Sự đóng góp của các hộ SXKDCT trong việc tạo ra việc làm và của cải đã khẳng định vai trò của họ đối với tăng trưởng của nền kinh tế. Các hộ SXKDCT nói chung và khu vực phi chính thức nói riêng có vai trò hết sức quan trọng đối với tăng trưởng bao trùm vì nó cung cấp việc làm và thu nhập cho nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương. Hộ SXKDCT có một lợi thế lớn để huy động vốn từ các hộ gia đình cho các hoạt động kinh tế, đồng thời họ có lợi thế là cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong các phân đoạn thị trường không bị chiếm đóng bởi các doanh nghiệp chính thức. Các số liệu đã cho

thấy tiềm năng phát triển mạnh mẽ của các hộ SXKDCT, bởi vì nhìn chung, trình độ công nghệ, thiết bị và kỹ năng của các hộ SXKDCT vẫn đang ở mức thấp và có thể được cải thiện. Các hộ SXKDCT cũng bao gồm một phân khúc năng động, sáng tạo và có thể đầu tư vào các thị trường mới. Sự linh hoạt và khả năng có thể thích ứng nhanh với các hoạt động mới tạo ra lợi thế của họ.

Các hộ SXKDCT đã và đang đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam kể cả trong trung hạn. Tuy nhiên, giống như ở các nước đang phát triển khác, cho đến nay, các hộ SXKDCT hầu như chưa có được sự chú trọng quan tâm của các chính sách công. Sự quan tâm tới hộ SXKDCT nhiều hơn trong hoạch định chính sách công và sự tăng cường hỗ trợ cho họ là những điều kiện cần thiết để đạt được một mô hình tăng trưởng mới cho Việt Nam, đem lại lợi ích cho nhiều người dân hơn □

Tài liệu tham khảo

1. Cling, J.-P., Nguyen Thi Thu Huyen, Nguyen Huu Chi, Phan T. Ngoc Tram, Razafindrakoto M., Roubaud F. (2010), *The Informal Sector in Vietnam: A focus on Hanoi and Ho Chi Minh City*, The Gioi Publishers, Hanoi.
 2. Razafindrakoto, M. and Roubaud, F. (2003), “Two original poverty monitoring tools: the 1-2-3 surveys and the Rural Observatories”, In: Cling, J.-P., Razafindrakoto, M., Roubaud, F. (ed.), *New International Poverty Reduction Strategies*, Routledge, London/New York, pp. 313-339.
 3. Tổng cục Thống kê, *Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở và Điều tra Lao động việc làm các năm 1989-2012*.
 4. Tổng cục Thống kê (2015), *Báo cáo Điều tra Lao động việc làm năm 2014*, <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=&ItemID=15113>
 5. Trung tâm Phân tích và Dự báo (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), Đơn vị nghiên cứu DIAL (thuộc IRD và Đại học Paris-Dauphine) (2014-2015), *Điều tra hộ sản xuất kinh doanh cá thể và khu vực phi chính thức năm 2014-2015 (HB&IS 2014/15)*, trong khuôn khổ Dự án “Nâng cao hiểu biết về chính sách mới chống nghèo đói”.
 6. UNDP, VASS (2016), *Growth that Works for All: Viet Nam Human Development Report 2015 on Inclusive Growth*, Social Sciences Publishing House, Hanoi.
-
- (tiếp theo trang 29)
11. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề quan trọng toàn diện đi sâu cải cách* (Thông qua tại hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII ngày 12/11/2013), <http://cpc.people.com.cn/n/2013/1115/c64094-23559163.html>, truy cập ngày 15/12/2018.
 12. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về việc đi sâu cải cách bộ máy Đảng và Nhà nước* (Thông qua tại hội nghị Trung ương 3 khóa XIX ngày 28/02/2018), Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2018.
 13. Cao Thượng Toàn (2018), “Thành tựu quan trọng và kinh nghiệm cơ bản của 40 năm cải cách mở cửa”, *Thời báo Học tập*, ngày 08/8/2018.